

Diễn Vạn, ngày 6 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ
KHỐI MẪU GIÁO 3 - 4 TUỔI
NĂM HỌC 2024 - 2025

PHẦN A

Phụ lục 1
DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
ĐỘ TUỔI: 3- 4 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 06 tháng 9 năm 2024

của Trường Mầm non Diễn Vạn)

(Thực hiện từ ngày 16/9/2024 đến 23/05/2025)

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Tuần	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non của bé - Tết trung thu	- Bé vui đón tết trung thu	1	16/09/2024 - 20/09/2024
		- Trường Mầm non Diễn Vạn thân yêu	2	23/09/2024 - 27/09/2024
		- Lớp mẫu giáo của bé	3	30/09/2024 - 04/10/2024
		- Các hoạt động trong trường mầm non.	4	07/10/2024 - 11/10/2024
2	Bản thân và ngày 20/10.	- Ngày hội 20/10	5	14/10/2024 - 18/10/2024
		- Bé tự giới thiệu về mình.	6	21/10/2024 - 25/10/2024
		- Cơ thể của tôi và bạn	7	28/10/2024 - 01/11/2024
		- Tôi cần gì để lớn lên mà khỏe mạnh.	8	04/11/2024 - 08/11/2024
3	Gia đình và ngày 20/11	- Gia đình bé	9	11/11/2024 - 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo 20/11	10	18/11/2024 - 22/11/2024
		- Ngôi nhà của bé	11	25/11/2023 - 29/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé.	12	02/12/2024 - 06/12/2024
		- Nhu cầu của gia đình bé	13	09/12/2024 - 13/12/2024

4	Một số nghề và ngày 22/12	- Châu yêu chú bộ đội (22/12)	14	16/12/2024 -20/12/2024
		- Nghề sản xuất	15	23/12/2024 - 27/12/2024
		- Nghề bác sĩ	16	30/12/2024 - 03/01/2025
		- Nghề phổ biến quen thuộc	17	06/01/2025 - 10/01/2025
5	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Cây xanh và môi trường sống	18	13/01/2025 - 17/01/2025
		- Bé vui đón tết – mùa xuân	19	20/01/2025 - 24/01/2025
		- Một số loại hoa, quả	20	03/02/2025 - 07/02/2025
		- Một số loại rau - củ	21	10/02/2025 - 14/02/2025
6	Thế giới động vật- Ngày hội 8/3	- Một số con vật nuôi trong gia đình.	22	17/02/2025 - 21/02/2025
		- Một số con vật sống dưới nước	23	24/02/2025 - 28/02/2025
		- Ngày hội 8/3	24	03/03/2025 - 07/03/2025
		- Một số con vật sống trong rừng	25	10/03/2025 - 14/03/2025
		- Côn trùng và một số loài chim	26	17/03/2025 - 21/03/2025
7	PT và quy định GT	- Một số PT và QĐGT đường bộ, đường sắt	27	24/03/2025 - 28/03/2025
		- Một số PT và QĐGT đường thủy	28	31/03/2025 - 04/04/2025
		- Một số PT và QĐGT đường không	29	07/04/2025 - 11/04/2025
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	- Sự kỳ diệu của nước.	30	14/04/2025 - 18/04/2025
		- Một số hiện tượng tự nhiên	31	21/04/2025 - 25/04/2025
		- Các mùa trong năm.	32	28/04/2025 - 02/05/2025
9	Quê hương đất nước Bắc Hồ	- Diễn Vạn quê em	33	05/05/2025 - 09/05/2025
		- Đất nước việt nam	34	12/05/2025 - 16/05/2025
		- Mừng ngày sinh nhật Bác	35	19/05/2025 - 23/05/2025

B.KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE**ĐỘ TUỔI: 3- 4 TUỔI***(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 6 tháng 9 năm 2024**của Trường Mầm non Diễm Vạn)*

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - XD thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ		
--	--	--	--

	* Sau khi ăn: - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc		
2. Tổ chức giấc ngủ	* Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	

	mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa.	Giáo viên và bảo vệ	

	c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi: - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo VS. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ * Xử lý rác và nước thải trong nhà trường - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.		
--	--	--	--

	- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khản ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe * <i>Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện để kiểm tra sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe * <i>Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn - Phụ huynh	

	loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý đến phòng bệnh tay chân miệng, bệnh thủy đậu... - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để BD cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	---	--	--

C.KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1.Trẻ khỏe mạnh ,cơ thể phát triển cân đối ,cân nặng và chiều cao. Trẻ trai. +Cân nặng từ 12,9 – 20.8 kg +Chiều cao từ 94,4 – 11,5 cm Trẻ Gái . +Cân nặng từ 1,6 -20.7 kg + Chiều cao từ 93,5 – 109,6 cm.	- Trẻ ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng; Tập các bài tập thể dục thường xuyên; Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Cân, đo theo dõi sức khỏe qua biểu đồ - Khám sức khỏe định kỳ - Phòng chống dịch bệnh cho trẻ - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì cho trẻ
2. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vào vật hoặc tranh ảnh (thịt , cá , trứng , sữa , rau)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc
3. Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày : Trứng rán , cá kho , rau , canh .. Trẻ biết ăn để chóng lớn ,khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất -Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy , sâu răng , SDD , béo phì ...)
4. Trẻ thực hiện một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn - Rửa tay lau mặt , súc miệng - Tháo tất , cởi quần áo	- Trẻ có thói quen súc miệng, lau mặt sau khi ngủ dậy và ăn - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu: ăn, ngủ, vệ sinh
5. Trẻ Sử dụng bát thìa, cốc đúng cách	Biết cầm bát, thìa,cốc đúng cách ,khi sử dụng trong bữa ăn,qua các hoạt động
3 . Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
6. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nhịch, không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

	- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở - Trẻ biết phòng chống dịch covid- 19	Vệ sinh răng miệng , đội mũ khi ra nắng , mặc áo ấm , đi tất khi trời lạnh , đi dép đi giày khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau hay chảy máu - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - thường xuyên rửa tay bằng xà phòng, - Sát khuẩn tay bằng dung dịch sát khuẩn - Vệ sinh môi trường sạch sẽ
4. biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
8. Trẻ nhận ra và tránh một số vận dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đun, phích nước nóng) khi được nhắc nhở	- Nhận biết những phòng tránh những hành động nguy hiểm , những nơi không an toàn ,những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
9 .Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ , ao , bể chứa nước, giếng) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ .
10. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Không cưỡi đờ trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt ... - không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo lên bàn ghế , lan can - Không nghịch ngợm các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp KNS - Dạy trẻ không theo nhận quà và đi theo người lạ
b. Phát triển vận động .	
1.thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
11. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp :Hít vào ,thở ra - Tay: + Hai tay đưa lên cao,ra phía trước sang 2 bên.

	+ Có cả đuôi dây ,bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước . + Quay sang trái sang phải + Nghiêng người sang trái sang phải . - Chân: + Bước lên trước ,bước sang ngang, ngồi xổm ,đứng lên, bật tại chỗ . + Co duỗi chân.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động	
12. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi và chạy . + Đi kiễng gót chân + Đi theo đường hẹp + Đi theo đường thẳng + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi ,chạy thay đổi theo đường đích dắc. + Đi theo đường hẹp + Đi trên ghế thể dục
13. Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động	- Tung,Ném ,bắt. + Lăn, đập, tung ,bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. +Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang,hàng dọc.
14. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, trèo.	- Bò trườn trèo + Bò, trườn theo hướng thẳng,dích dắc + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước + Trườn theo hướng thẳng. + Bước lên ,xuống mục cao (Cao 30 cm) + Trèo lên xuống ghế
15 .Thể hiện nhanh mạnh , khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi bước dòn ngang kết hợp ném xa bằng 1 tay -Bật liên tục về phía trước, ném trúng đích thẳng đứng - Bò thấp, lăn bóng trong đường đích dắc về đích

16.Trẻ có khả năng bật, nhảy	Bật- nhảy + Bật tại chỗ + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 20-25 cm + Bật qua dây chuyền bóng + Bật qua vật cản cao 20 – 30 cm
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay , ngón tay , phối hợp tay - mắt	
17.Trẻ thực hiện được vận động - Xoay tròn cổ tay - Gập đan ngón tay vào nhau	- Gập đan các ngón tay vào nhau quay ngón tay ,cổ tay,cuộn cổ tay. - Đan tết
18.Trẻ biết phối hợp được các cử động bàn tay , ngón tay trong một số hoạt động - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Xếp chồng 8-10 khối không đồ - Tự cài, cởi cúc áo	- Xếp chồng các hình khối khác nhau - Xé,dán giấy . - Sử dụng kéo bút . - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài,cởi cúc áo. KNS - Dạy trẻ cài,cởi cúc áo,tự tháo,cởi dây dép
II, LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
a. Khám phá khoa học	
1.Xem xét và tìm hiểu đặc điểm và sự vật hiện tượng	
19. Quan tâm , hứng thú với các sự vật hiện tượng, gần gũi như chăm chú quan sát sự vật , hiện tượng , hay đặt câu hỏi về đối tượng	- Hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Tìm hiểu về thời tiết và các mùa trong năm + Tìm hiểu về các hiện tượng tự nhiên
20. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu các đối tượng , nghe, ngửi , sờ,để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng .	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Cơ thể bé + Bé cần già đi lớn lên và khỏe mạnh

21. Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng VD : Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay vật nổi - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách , tranh ảnh , trò chuyện về đối tượng	- Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật , cây cối gần gũi + Cây xanh và môi trường sống + Các loại hoa, quả + Các loại rau, củ + Động vật nuôi trong gia đình + Động vật sống trong rừng + Động vật sống dưới nước + Côn trùng và các loài chim KNS +Dạy trẻ cách chăm sóc và bảo vệ con vật
23. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật	- Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi (Đồ dùng đồ chơi trong lớp, trường MN, đồ dùng trong gia đình) -Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông
24. Trẻ biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ - Một vài đặc điểm tính chất của đất, đá, sỏi.
2.Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
25. Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 dấu hiệu nổi bật - Đồ dùng trong gia đình bé - Ngôi nhà gia đình bé. - Một số PTGT và những quy định giao thông đường bộ - Một số PTGT và những quy định giao thông đường thủy

	- Một số PTGT và những quy định giao thông đường hàng không
26. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi , âm nhạc , tạo hình	- Thể hiện vai chơi trong các trò chơi đóng vai theo chủ đề - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, mặt trời, mặt trăng, ... - Vẽ, tô màu, nặn con vật, cây, mưa, mặt trời, mặt trăng, ...
b. Khám phá xã hội	
1.Nhận biết bản thân gia đình , trường lớp mầm non và cộng đồng	
27. Nói được tên độ tuổi , giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân + Bé tự giới thiệu về mình
28. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	- Tên của bố mẹ các thành viên trong gia đình. + Bố mẹ về những người thân yêu của bé
29. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện , xem ảnh về gia đình	- Địa chỉ gia đình - Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện
30 . Trẻ nói được tên trường lớp, cô giáo , bạn , đồ chơi , đồ dùng trong lớp khi được hỏi và trò chuyện	- Tên trường, lớp mẫu giáo, tên cô và công việc của cô giáo + Trường mầm non Diễn Vạn + Lớp mẫu giáo của bé
31. Tên các bạn ,đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	+ Tìm hiểu về các hoạt động trong trường mầm non
2.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	
32. Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông , nghề xây dựng ... khi được hỏi xem tranh	- Tên gọi sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến và ích lợi của một số nghề phổ biến + Bé tìm hiểu về nghề nông + Bé tìm hiểu về nghề Bác sỹ + Cô giáo của em + Cháu yêu chú bộ đội
3.Nhận biết một số lễ hội và danh lam , thắng cảnh	

33. Kể tên một số danh lam thắng cảnh ở địa phương	Cho trẻ xem tranh ảnh về những danh lam thắng cảnh ở địa phương + Xứ nghệ quê em: Quê Bác, Quảng trường Hồ Chí Minh, Sông Lam, bãi biển cửa lò... + Lễ hội đèn công (Diễn Châu): Tổ chức ngày 15/2 âm lịch. + Diễn Vạn quê em : Đèn Hoàng Tá Thôn (Diễn Vạn)... - về nghĩa trang liệt sỹ
34. Trẻ biết kể tên một số lễ hội ngày khai giảng , tết trung thu ... qua trò chuyện tranh ảnh	Day trẻ nhận biết một số ngày lễ hội được tổ chức trong trường mầm non. + Ngày hội bé đến trường + Bé vui đón tết trung thu + Ngày hội của cô 20/11 + Ngày vui của chú bộ đội 22/12 + Ngày tết quê em + Lễ hội mừng xuân + Ngày hội của bà, mẹ và cô giáo 8/3 + Ngày sinh nhật Bác 19/05
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
1.Nhận biết số đếm , số lượng	
35 . Quan tâm đến số lượng và đếm . như hay hỏi về số lượng , đếm viết , biết sử dụng các ngón tay để hiển thị số lượng	- Một và nhiều . - Xếp tương ứng 1-1 , ghép đôi
36. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. + Day trẻ đếm các đối tượng và đếm trong phạm vi 2 + dạy trẻ đếm các đối tượng và đếm trong phạm vi 3 + Day trẻ đếm các đối tượng và đếm trong phạm vi 4 + Day trẻ đếm các đối tượng và đếm trong phạm vi 5
37. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau , nhiều hơn , ít hơn	- So sánh hai đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau , nhiều hơn , ít hơn + Day trẻ so sánh, thêm bớt trong phạm vi 2 + Day trẻ so sánh thêm bớt trong phạm vi 3 + Day trẻ so sánh, thêm bớt trong phạm vi 4

	+ Dạy trẻ so sánh thêm bớt trong phạm vi 5
38. Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm + Dạy trẻ gộp 2 đối tượng trong phạm vi 3 + Dạy trẻ gộp 2 đối tượng trong phạm vi 4 + Dạy trẻ gộp 2 đối tượng trong phạm vi 5
39. Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ. + Dạy trẻ tách thành 2 đối tượng trong phạm vi 3 + Dạy trẻ tách thành 2 đối tượng trong phạm vi 4 + Dạy trẻ tách thành 2 đối tượng trong phạm vi 5
1.Sắp xếp theo quy tắc	
40. nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ . + Sắp xếp chiều cao của 3 đối tượng
2.So sánh hai đối tượng	
41. So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau.	+ Dạy trẻ so sánh 2 đối tượng và nói được dài hơn, ngắn hơn + Dạy trẻ so sánh 2 đối tượng và nói được cao hơn, thấp hơn + Dạy trẻ so sánh 2 đối tượng và nói được to hơn, nhỏ hơn
4.Nhận biết hình dạng.	
42. Nhận dạng và gọi tên các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết và gọi tên các hình :Hình vuông, tam giác, hình tròn, hình chữ nhật, sử dụng các hình học để lắp ghép.
5. Nhận biết vị trí trong không gian	
43. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí và đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Dạy trẻ nhận biết tay phải, tay trái của bản thân - Dạy trẻ nhận biết phía trên, dưới , trước, sau ,tay phải, tay trái của bản thân.
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	

1. Nghe hiểu và nói .	
44. Trẻ Thực hiện được yêu cầu đơn giản	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. VD : Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ
45. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi : Quần áo , đồ chơi , hoa quả	- Hiểu các từ chỉ người ,tên gọi đồ vật ,sự vật ,hành động,hiện tượng gần gũi quen thuộc.
46. Sử dụng được câu đơn , câu ghép	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn,câu mở rộng.
47. Lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại	-Trả lời và đặt các câu hỏi :Ai,Cái gì ? , Ở đâu? khi nào?.
2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
48. Nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Sử dụng được các câu đơn,câu ghép.
49. Trẻ biết Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật , hoạt động , đặc điểm	- Bày tỏ tình cảm,nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn,câu đơn mở rộng. - Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ,
50. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như : Thăm ông bà , đi chơi , xem phim ...	-Kể lại sự việc
51. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ , ca dao , đồng giao	- Đọc thơ ca dao, đồng giao, tục ngữ, hò vè. + Chủ đề trường mầm non: Bạn mới (Nguyệt Mai), Cô giáo của em (Chu huy), Cô dạy (Phạm Hổ), Mẹ và cô (Trần quốc toàn), Bé và Mẹ (Đặng Thu Quỳnh) . + Chủ đề bản thân: Đôi mắt của em (lê Thị Mỹ Phương) Bé chẳng sợ tiêm (Nguyễn Ngọc Sinh) , Chối ngoan, ảnh cưới (Lê Minh Hoài) , Miệng xinh (Phạm Hổ). + Chủ đề gia đình: Bà và cháu (Phạm Thị Thọ), Chiếc quạt nan (Xuân Cầu), Thăm nhà bà (Nhu Mao), Gió từ tay mẹ (Vương Trọng), Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn). + Chủ đề ngành nghề:

Em làm thợ xây(Hoàng Dân), Làm nghề như bó (Thu Quỳnh), Làm họa sỹ dễ thôi (Tùng Bách),Chú giải phóng quân, Bó đi cày (Ninh Đức Hậu), Hươu cao cổ (Định Hải) Biển và muối (Phạm hồ), Làm bác sỹ (Lê Nhân)

+ Chủ đề thế giới thực vật, tết và mùa xuân:
 Cây dây leo,Hoa kết trái (Thu Hà), hoa mào gà (Thanh Hào), tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên), củ cà rốt (Phạm Hồ), bắp ngô (Cao Xuân Thái), Cây dây leo (Xuân Tửu), Cây thược dược (Ngô Quân Miệng), Dứa (Phạm Hồ), Quất (Phạm Hồng Thắm), Thị (Phạm Hồ), Na (Phạm Hồ), Cây đào (Nhược Thủy).

+ Chủ đề giao thông:
 Qua đường (thu Hạnh)
 Đèn đỏ đèn xanh (Định Hải), trên đường (Hương Mai), tiếng còi tàu (Hồng Vy), đèn giao thông (Mỹ Trang), tàu hỏa (Phùng Ngọc Hùng), Dán hoa tặng mẹ.

+ Chủ đề động vật
 Đàn kiến (Nhược Thủy), Đàn Kiến Nổ Đi (Định Thiên Vân) Bối tôi là vịt, Mười quả trứng tròn, rong và cá (Phạm Hồ), Khỉ con (Hoàng Thị Minh Khanh), gà mẹ (Phạm Ngọc Hùng), Mẹ cáo dạn, chim chích bông, Bối tôi là vịt (Phạm thái Quỳnh), Sáo Học Nói (Mai Ngọc Uyên), Mèo con (Phùng Phương Quý).Con chim chiến chiến,

+ Chủ đề nước và hiện tượng tự nhiên:
 Mưa (Lê Lâm) ,Nắng ấm (Phong thu), Trưa hè (Sưu tâm), Trăng sáng (Nhược thủy),Gió (Xuân Quỳnh), Nước (Vương Trọng), Mưa làm nũng (Nguyễn Trọng Hoàn)

+ Chủ đề quê hương, đất nước Bác Hồ:
 Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa),Quê em(Trần Đăng Khoa),Em yêu miền nam

	(sưu tầm), Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân).
52.Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn .	Nghe hiểu nội dung truyện ,kể chuyện phù hợp với độ tuổi. - Kể một vài tình tiết của truyện đã được nghe. + Chủ đề Mầm Non Gà tơ đi học Bàn tay cô giáo (Thùy linh), Em bé dũng cảm, Cháu ngoan (Huỳnh Thị Cúc), Một bó hoa tươi thắm (Sưu tầm), Món quà của cô giáo (Thanh Bình) + Chủ đề bản thân Đôi bạn tốt, gà tơ đi học (Cẩm linh), Chú vịt xám, Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên) + Chủ đề gia đình Nhỏ củ cải, bông hoa cúc trắng Ai tài giỏi hơn ai (Sưu tầm), Đôi tai tôi dài quá (Sưu tầm), Ba cô Tiên (Theo truyện cổ trung Quốc); Bàn tay có nụ hôn (Thanh nga) + Chủ đề giao thông Câu chuyện về chiếc xe ủi, Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến) xe đạp trên đường phố (Thu Hạnh), qua đường (Sưu tầm), ai quan trọng hơn (Sưu tầm), chiếc đầu máy của xe lửa nhỏ tốt bụng (Truyện nước ngoài); + Chủ đề động vật Chú vịt xám (Thu Thủy), Rùa con tìm nhà (Thanh Mai), Chuột gà trống và mèo (Thúy Toàn dịch); Gà trống và vịt bầu, ba con gấu (Minh Trang), Cá cũng biết leo cây(Sưu tầm); Gà trống choai và hạt đậu (Sưu tầm); Chú đồ con (Viết Linh), + chủ đề thực vật, tết và mùa xuân Bông hoa cúc trắng (Theo truyện cổ Nhật Bản), hoa mào gà (Thùy Dương), Sự tích cây khoai lang (Báo họa mi), Sự tích hạt thóc (Sưu tầm), Bánh chưng bánh dày (Võ Văn Trực), bé hành đi khám bệnh (sưu tầm)

	+ Chủ đề nước và HTTN Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh); Cô con út của ông mặt trời (Sưu tầm), Hoa bìm bịp (Kim tuyến), Nàng tiên mưa (Võ Thị Thưng) + Chủ đề ngành nghề Cây rau của thỏ út út (Phong Thu) Sự tích quả dưa hấu (Theo truyện cổ VN); cây táo, câu chuyện chiếc xe ủi (Sưu tầm) + Chủ đề quê hương – đất nước- Bác Hồ Niềm vui bất ngờ (Theo cuốn Bác Hồ kính yêu)
53. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
54. Sử dụng các từ „vâng ạ „ „Dạ „ „thưa.“. Trong giao tiếp .	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
55. Nói đủ nghe ,không nói lý nhí .	- Nói và thể hiện cử chỉ ,điều bộ nét mặt ,phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp
3 Làm quen với việc đọc viết.	
56. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe ,tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ ,sách truyện - Xem và nghe các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc viết tiếng việt Hướng đọc viết từ trái sang phải từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ. - Cầm sách đúng ,mở sách đúng chiều xem tranh truyện - Giữ gìn sách
57. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Làm quen với một số kỹ năng thông thường, trong nhà, nhà vệ sinh Lối ra, nơi nguy hiểm ,biển báo giao thông ,đường dành cho người đi bộ.
58. Thích vẽ ,viết ,nghe nhạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. - Hướng đọc viết từ trái sang phải từ trên xuống dưới
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên , cuộc	

sống và các tác phẩm nghệ thuật.	
59. Vui sướng vỗ tay ,nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm ,các bài hát ,bản nhạc,gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng,thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2.Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	
60. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Trẻ nói lên cảm nhận của mình về tác phẩm tạo hình (về màu sắc, hình dáng...) với sự gợi ý cô giáo
61. Trẻ biết chú ý nghe,thích được hát theo vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát ,bản nhạc, thích nghe đọc thơ ,đồng dao,ca dao,tục ngữ ,thích nghe kể chuyện...	-Nghe các bài hát ,bản nhạc ,thiếu nhi,dân ca. + Chủ đề trường Mầm non - Ngày đầu tiên đi học(Nguyễn Ngọc Thiện) - Trường mẫu giáo thân thương (Hoàng Văn Yến) - Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân) - Đi học (Nhạc:Bùi Đình Thảo) - Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên), + Chủ đề bản thân: - Năm ngón tay ngoan(Trần Văn Thụ) - Thật đáng chê(Theo điệu Bắc kim thang. Lời Việt Anh) - Tìm bạn thân (Việt Anh) - Dân ca tự chọn, + Chủ đề gia đình và ngày 20/11 - Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc:Phạm Tuyên. Lời Lâm Thị Mỹ Dạ) - Cho Con (Phạm Trọng Cầu) - Gia đình nhỏ, hạnh phúc to (Nguyễn Văn Chung) - Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ) - Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân) - Mẹ Yêu con (Nguyễn Văn Tý) - Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo) - Dân ca tự chọn +Chủ đề: Nghề nghiệp - Cháu yêu cô thợ dệt - Anh phi công ơi (Xuân Giao) - Hạt gạo làng ta (Nhạc:Trần Việt Bính- Lời: Trần Đăng khoa)

	- Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý) Dân ca tự chọn + Chủ đề: Thế giới động vật - Gà gáy le te (Dân ca: Côồng khao) - Cái bóng (Phan Trần Bảng) - Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền) - Cò lả (Dân ca đồng bằng Bắc Bộ) - Chú voi con ở bản đôn (Phạm Tuyên) Dân ca tự chọn +Chủ đề: Thực vật – tết nguyên đán - Hoa trong vườn (Hoàng Hoàn) - Quả gì (xanh xanh) - Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện) - Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh) - Ngày tết quê em (Tùng Huy) - Lý cây bông (Dân ca Nam bộ) - Vườn cây của ba(Phan Nhân) Dân ca tự chọn +Chủ đề: Giao thông - Anh phi công ơi (Nhạc:Xuân Giao. - Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến) - Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến) - Công an tí hon (Trần Quân Tiến) - Chúng em với an toàn giao thông (Hoàng Phong) Dân ca tự chọn +Chủ đề: Nước và hiện tượng tự nhiên - Mưa rơi (Dân ca Xá), - Đếm sao (Văn Chung) - Hạt nắng hạt mưa (Khánh Vinh) - Reo vang bình minh (Lưu Hữu Phước) - Bèo dạt mây trôi(Dân ca quan họ bắc Ninh) +Chủ đề: Quê hương- Đất nước – Bác Hồ - Bác Hồ người cho em tất cả(Hoàng Long – Hoàng Lân) - Ai yêu Bác Hồ Chí Minh Hơn thiếu niên nhi đồng (Phạm Tuyên) - Quê hương (Giáp Văn Thạch) - Em yêu trường em (Hoàng Vân) - Đi học (Bùi Đình Thảo)
--	---

	- Trái đất này là của chúng mình (Định Hải) - Em đi giữa Biển vàng(Bùi Đình Thảo) - Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Lê) - Dân ca địa phương.
62. Trẻ biết hát tự nhiên ,hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu ,lời ca bài hát + Chủ đề trường mầm non: Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn), Trường chúng cháu đây là Trường Mầm Non(Phạm tuyên), Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến).cô và mẹ (Phạm Tuyên). Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường); Nhớ lời cô dặn(Hồng Ngọc), Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên) + Chủ đề bản thân: Bạn ở đâu, Rửa mặt như mèo(Hoàng Long), Mừng sinh Nhật (Đào Ngọc Dung), Chiếc khăn tay(Văn Tấn), Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo) + Chủ đề gia đình: Cả nhà thương nhau(Phan Văn Minh) Biết vâng lời mẹ (Minh Khang), Cô và mẹ(Phạm Tuyên), Đi học về (Hoàng Long – Hoàng Lê) ,Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến). + Chủ đề ngành nghề: Lớn lên cháu lái máy cày(Kim Hữu), Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Cháu thương chú bộ đội(Hoàng Văn Yến), chú bộ đội (Hoàng Hà), Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý) ,Đi một hai (Đoàn Phi), Làm chú bộ đội (Hoàng Long), Tập đi đều (Kim Hữu) + Chủ đề thực vật, tết và mùa xuân: Quả (Xanh Xanh), Mùa xuân(Hoàng Văn Yến), lý cây xanh (dân ca Nam Bộ), Sắp đến tết(Hoàng Văn), Cây bắp cải(Thu Hồng) + Chủ đề giao thông: Đèn đỏ đèn xanh (Thơ Thế Hội, nhạc Lương Vĩnh), Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng

	lân), Đường em đi (Tường Vãn), Quà 8/3(Hoàng Long) + Chủ đề động vật: Một con vịt(Kim Duyên), Con gà trống(Tân Huyền), cá vàng bơi(Hà Hải), Đàn gà con(Việt Anh), Voi làm xiếc(Phan Hiền),Ai cũng Yêu chú mèo(Kim Hữu),Con chim non(Lý Trọng),Gà trống mèo con và cún con. + Chủ đề nước và hiện tượng tự nhiên: Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Trên cát (Phan Hương), Con mèo ra bờ sông(Hoàng Hà),Trời nắng trời mưa(Đặng Nhất Mai) Bé và trăng(Bùi Anh Tôn). + Chủ đề quê hương, đất nước, Bác Hồ: Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân) ,Đi thăm thủ đô, Hòa bình cho bé (Huy Trân).
63. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
64. Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý .	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo sản phẩm. - Làm con lật đật bằng quả cà - Làm con trâu bằng lá mít - Xếp máy bay
65. Vẽ các nét thẳng ,xiên, ngang ,tạo thành bức tranh đơn giản .	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ,nặn,cắt ,xé ,dán ,sếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản + Chủ đề trường mầm non - Tô màu đu quay - Tô màu chim băng bay - Tô màu chiếc đèn lồng - Dán bẹp bênh + Chủ đề bản thân -Tô màu mũ bé trai, mũ bé gái - Trang trí khăn mù soa + Chủ đề gia đình - Tô màu bức tranh gia đình - Tô màu ngôi nhà của bé - Dán cái cóc + Chủ đề ngành nghề

	- Tô màu một số sản phẩm nghề nông - Vẽ tô màu bình hoa - Vẽ những cuộn len màu + Chủ đề giao thông - Tô màu kính khí cầu - Tô màu ô tô - Vẽ, tô màu xe máy + Chủ đề thực vật - Vẽ, tô màu cây ăn quả - Vẽ những bông hoa bằng vân tay - Cắt dán bánh chưng + Chủ đề động vật - Vẽ, tô màu con gà con - Tô màu con hươu cao cổ - Cắt dán con cá - Trang trí con sao biển + Chủ đề nước- Hiện tượng tự nhiên - Vẽ mưa, vẽ cây, cỏ - Trang trí chiếc phao bơi - Xé dán tia nắng mặt trời - Tô màu kính khí cầu - Dán chiếc ô che mưa + Chủ đề quê hương – Đất nước – Bác Hồ - Tô màu dây cò. - Xé dán đuôi diều.
66. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm tạo hình + Nặn Bếp bênh + Nặn quà tặng bạn + Nặn đồ dùng trong gia đình + Nặn bánh bao + Nặn kẹo xoắn + Nặn quà tặng chú bộ đội + Nặn con vật nuôi trong gia đình + Nặn rau ăn củ, quả + Các các loại hoa, quả + Nặn quà tặng bà, mẹ, cô giáo + Nặn ô tô; nặn thuyền + Nặn phao bơi, nặn cái ô + Nặn theo ý thích + Nặn theo đề tài.
67. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng hình để tạo ra sản phẩm tạo hình
68. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.

hình	
3.Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(Như âm nhạc nghệ thuật)	
69.Trẻ biết vận động theo ý thích các bài Bản nhạc quan thuộc.hát	- Vận động theo ý thích khi hát nghe các bài hát,bản nhạc quen thuộc
70. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích .	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
71. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình
72. Biết cách chơi, luật chơi các trò chơi âm nhạc	- Trò chơi: + Bạn ở đâu, + Đoán tên bạn hát + Ai đoán giỏi + Nghe tiếng hát tìm đồ vật + Bao nhiêu bạn hát + Tai ai tinh + Âm thanh từ phía nào + Tiếng hát ở đâu + Nốt nhạc may mắn + Nhận hình đoán tên bài hát + Nghe âm thanh tìm con vật + nốt nhạc vui + Mưa to - Mưa nhỏ + Ai nhanh nhất + Bạn nào hát + Hát theo hình vẽ + Hãy nhảy cùng tôi + Nhảy theo giai điệu...
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI	
1.thể hiện ý thức về bản thân.	
73.Trẻ Nói được tên tuổi giới tính của bản thân.	- Tên,tuổi ,giới tính.,nhưng điều trẻ thích không thích ,yêu gia đình,anh chị em ruột. KNS: + Dạy trẻ không nhận quà và không đi theo người lạ.
74.Trẻ nói được điều bé thích ,không thích	- Những điều bé thích,không thích.
2.Thể hiện sự tự tin, tự lực.	
75. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động,mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động,mạnh dạn khi trả lời câu hỏi

76.Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao .(Chia giấy ,vẽ ,xếp đồ chơi ...)
3.Nhận biết và thể hiện cảm xúc ,tình cảm với con người ,sự vật ,hiện tượng xung quanh.	
77. Nhận ra cảm xúc vui buồn ,sợ hãi tức giận ,qua nét mặt ,giọng nói , qua tranh ảnh .	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Buồn vui, sợ hãi ,tức giận,ngạc nhiên)qua nét mặt cử chỉ,giọng nói.
78. Biết biểu lộ cảm xúc :vui, buồn ,sợ hãi,tức giận.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt cử chỉ,giọng nói ,trò chơi,hát ,vận động.
79. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp , lễ hội của quê hương đất nước. -Thích xem tranh ảnh về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.	
80. Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình : Sau khi chơi lấy xếp đồ chơi ,không tranh giành đồ chơi ,vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (Để đồ dùng,đồ chơi đúng chỗ) KNS + Dạy trẻ xếp gấp quần áo + Dạy trẻ cách mặc quần áo
81.Biết chào hỏi và nói cảm ơn,xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ lời nói lễ phép Chào hỏi,cảm ơn) - Yêu mến bố mẹ ,anh chị em ruột
82. Biết chú ý nghe cô,bạn nói.	- Chờ đến lượt
83. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi trong nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn - Nhận biết hành vi“ đúng,, ,,sai“ “Tốt, Xấu ,,
5. Quan tâm đến môi trường.	
84. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ chăm sóc con vật,và cây cối
85. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Biết tiết kiệm nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường KNS: - Dạy trẻ biết tiết kiệm nước - Dạy trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định
86. Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính	- Hướng dẫn trẻ biết cách bật/tắt máy, rê chuột (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính... - Dạy trẻ chơi các trò chơi, bài tập trên

	máy tính.
87. Êrobich: - Trẻ biết các động tác cơ bản	- Phát triển cơ thể linh hoạt, dẻo dai và giúp trẻ nhanh nhẹn hơn - Tăng cường khả năng tích trữ năng lượng

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Nguyệt